

Số: *40* /2024/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày *18* tháng *10* năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thực hiện Thông báo số 347/TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 73 - khóa X;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 370/TTr-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân có nhu cầu sử dụng đất chưa sử dụng để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.
2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, tổ chức dịch vụ công về đất đai có liên quan đến thủ tục giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thủ tục giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng.

## **Điều 3. Quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng**

1. Hạn mức giao đất để sử dụng trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản không quá 03 ha đối với mỗi loại đất.
2. Hạn mức giao đất để sử dụng trồng cây lâu năm không quá 10 ha.
3. Hạn mức giao đất để sử dụng trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất không quá 30 ha đối với mỗi loại đất.
4. Trường hợp cá nhân được giao nhiều loại đất trong các loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 ha; trường hợp được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 05 ha; trường hợp được giao thêm đất rừng sản xuất là rừng trồng thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 25 ha.
5. Hạn mức quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 176 của Luật Đất đai.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:
  - a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này;
  - b) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng;
  - c) Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng;
  - d) Xét giao đất cho cá nhân theo đúng quy định pháp luật.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:



Quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương, đăng ký vào hồ sơ địa chính và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về tình hình quản lý, khai thác quỹ đất chưa sử dụng.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

#### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

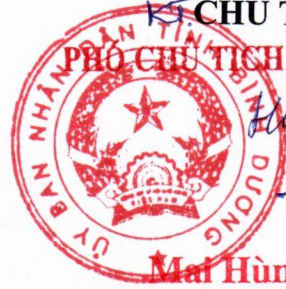
#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Tư pháp; TN&MT; NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Như Điều 6;
- CSDL quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Báo Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT. *me*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KI CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Mai Hùng Dũng**